

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước**  
**Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM**

Tên công ty : Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam  
Trụ sở chính : Số 1, đường 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.  
Điện thoại : 0251-3836361-4 Fax : 0251-3836388  
Người thực hiện công bố thông tin: Linh Thịn Pau  
Địa chỉ : Số 1, đường 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.  
Điện thoại : 0251-3836361-4, Fax: 0251-3836388

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam giải trình chênh lệch số liệu báo cáo kiểm toán tổng hợp năm 2018 so với báo cáo tài chính quý 4/2018 trước kiểm toán như sau:

**So sánh kết quả kinh doanh (Tổng hợp):**

DVT: VND

<b>Nội dung</b>	<b>Kiểm toán</b>	<b>quý 4/2018</b>	<b>Chênh lệch</b>
Phải thu khách hàng(131)	286,393,335,502	339,582,333,027	-53,188,997,525
Phải thu khác(136)	323,577,075	269,429,225	54,147,850
Hàng tồn kho(141)	248,106,283,406	209,218,791,246	38,887,492,160
Thuế phải thu NN(153)	71,348		71,348
TS ngắn hạn khác(155)	253,822,000	307,969,850	-54,147,850
GT han mòn lũy kế(223)	-381,929,851,910	-381,929,852,410	500
TS thuế TN hoãn lại(262)	420,111,381	471,977,971	-51,866,590
Phải trả người bán(311)	151,488,445,818	112,762,627,886	38,725,817,932
Người mua TT trước(312)	7,111,095,810	60,138,419,107	-53,027,323,297
Thuế phải nộp NN(313)	4,607,236,719	4,662,354,717	-55,117,998
LNST chưa PPNN (421b)	63,180,675,328	63,177,352,072	3,323,256

**I. Giải trình chênh lệch số liệu trước và sau báo cáo kiểm toán:**

**Bảng cân đối kế toán:**

- Kiểm toán phân loại lại phải thu ngắn hạn khách hàng (131) 286,393,335,502 phát sinh chênh lệch 53,188,997,525 ảnh hưởng người mua trả tiền trước (312) điều chỉnh thành 7,111,095,810 phát sinh chênh lệch 53,027,323,297 và kiểm toán điều chỉnh lại hàng tồn kho(141)248,106,283,406 phát sinh chênh lệch 38,887,492,160 và điều chỉnh phải trả người bán (311) 151,488,445,818 phát sinh chênh lệch 38,725,817,932 cùng cân trừ nhau.  
(53,188,997,525-53,027,323,297=161,674,228)-----(38,887,492,160-38,725,817,932=161,674,228)
- Kiểm toán phân loại lại phải thu khác(136) 323,577,075 phát sinh chênh lệch 54,147,850 cân trừ với số chênh lệch 54,147,850 phát sinh của tài sản ngắn hạn khác (155) sau điều chỉnh.
- Kiểm toán điều chỉnh thuế phải nộp nhà nước(313) 4,607,236,719 phát sinh chênh lệch 55,117,998 cân trừ với số chênh lệch sau điều chỉnh của LNST chưa phân phối năm nay(421b)3,323,256; số chênh lệch của TSTTN hoãn lại (262)51,866,590; số chênh lệch thuế phải thu nhà nước(153)71,348 và số lẻ 500 của giá trị hao mòn lũy kế (223).
- Do phân loại lại và điều chỉnh các số liệu trên đã ảnh hưởng thay đổi vốn chủ sở hữu, tổng tài sản, nợ phải trả...các

số liệu khác.

**Bảng kết quả hoạt động kinh doanh:**

1. Kiểm toán điều chỉnh doanh thu 1,786,361,973,513 phát sinh chênh lệch 10,554,069,361 là số chênh lệch điều chỉnh giá vốn 10,554,069,861 trừ chênh lệch số lẻ 500 khấu hao tài sản cố định hữu hình.
2. Kiểm toán phân loại lại thu nhập HĐTC (515) 10,001,513,228 và chi phí tài chính (635) phát sinh chênh lệch 10,001,513,228 cần trừ nhau.
3. Do phân loại lại và điều chỉnh các số liệu trên làm ảnh hưởng thay đổi chi phí thuế TNDN hiện hành và lợi nhuận sau thuế.

**Bảng lưu chuyển tiền tệ:**

Do kết quả điều chỉnh và phân loại lại bảng CĐKT và KQHĐKD nêu trên ảnh hưởng làm thay đổi trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ, nhưng không làm thay đổi số liệu tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ.

Công ty cam kết nội dung giải trình trên đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người thực hiện công bố thông tin



Linh Thin Pau



Tổng Giám Đốc

Wang Ting Shu



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya  
(Việt Nam)**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2018



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy phép Đầu tư số** 414/GP ngày 7 tháng 9 năm 1992  
414/GPĐC ngày 14 tháng 2 năm 1995  
414/GPĐC1 ngày 31 tháng 10 năm 1995  
414/GPĐC2 ngày 9 tháng 1 năm 1996  
414/GPĐC3 ngày 30 tháng 7 năm 1997  
414/GPĐC4 ngày 19 tháng 9 năm 1997  
414/CPH/GP ngày 7 tháng 10 năm 2005  
414/CPH/GCNDNC1-BKH ngày 25 tháng 10 năm 2006  
do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp

414/GPĐC1-BKH-KCN-DN ngày 16 tháng 5 năm 2003  
414/GPĐC2-BKH-KCN-DN ngày 23 tháng 6 năm 2003  
414/GPĐC3-BKH-KCN-DN ngày 7 tháng 5 năm 2004  
414/GCNDNC2/47/2 ngày 6 tháng 9 năm 2007  
do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số** 472033000584 ngày 11 tháng 7 năm 2008  
472033000584 ngày 18 tháng 12 năm 2008  
472033000584 ngày 30 tháng 8 năm 2010  
472033000584 ngày 29 tháng 11 năm 2011  
472033000584 ngày 13 tháng 5 năm 2013  
9830011883 ngày 20 tháng 3 năm 2017  
9830011883 ngày 7 tháng 6 năm 2017  
do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp

Các giấy phép đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

**Hội đồng Quản trị** Ông Shen Shang Pang Chủ tịch  
Ông Shen Shang Tao Phó Chủ tịch  
Ông Shen Shang Hung Thành viên  
Ông Shen San Yi Thành viên  
Ông Wang Ting Shu Thành viên  
Ông Tsai Chung Cheng Thành viên  
Ông Tu Ting Jui Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc** Ông Wang Ting Shu Tổng Giám đốc  
Ông Hsu Ching Yao Phó Tổng Giám đốc

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

**Trụ sở đăng ký**

**Trụ sở chính**                    Khu Công nghiệp Biên Hòa II  
    Tỉnh Đồng Nai  
    Việt Nam

**Chi nhánh**                      Xã Cẩm Điền  
    Huyện Cẩm Giàng  
    Tỉnh Hải Dương  
    Việt Nam

**Công ty kiểm toán**            Công ty TNHH KPMG  
    Việt Nam

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 33 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Wang Ting Shu  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 11 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 6 đến trang 33.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00349-19-4



  
Nguyễn Thanh Nghị  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0304-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

  
Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2019



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>707.566.121.169</b>	<b>768.009.533.794</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>154.923.504.911</b>	<b>173.787.212.638</b>
Tiền	111		44.688.504.911	30.822.212.638
Các khoản tương đương tiền	112		110.235.000.000	142.965.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>293.638.448.468</b>	<b>264.573.424.069</b>
Phải thu của khách hàng	131	5	286.393.335.502	263.282.633.337
Trả trước cho người bán	132		8.083.254.103	1.740.485.970
Phải thu khác	136		323.577.075	699.230.974
Dự phòng phải thu khó đòi	137	5	(1.161.718.212)	(1.148.926.212)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>247.164.183.564</b>	<b>312.650.564.322</b>
Hàng tồn kho	141		248.106.283.406	313.636.987.381
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(942.099.842)	(986.423.059)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.839.984.226</b>	<b>16.998.332.765</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.158.870.161	1.453.605.138
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	12(a)	9.427.220.717	15.011.534.011
Thuế phải thu Nhà nước	153		71.348	255.215.616
Tài sản ngắn hạn khác	155		253.822.000	277.978.000
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>103.690.680.643</b>	<b>108.880.211.828</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>96.479.338.723</b>	<b>97.470.262.381</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	7	96.140.093.923	97.044.401.581
Nguyên giá	222		478.069.945.833	467.726.291.958
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(381.929.851.910)	(370.681.890.377)
Tài sản cố định vô hình	227	8	339.244.800	425.860.800
Nguyên giá	228		1.000.078.800	1.000.078.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(660.834.000)	(574.218.000)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.429.015.286</b>	<b>8.318.564.605</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	4.429.015.286	8.318.564.605
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.782.326.634</b>	<b>3.091.384.842</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.362.215.253	2.695.034.652
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		420.111.381	396.350.190
<b>TỔNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>811.256.801.812</b>	<b>876.889.745.622</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>365.215.153.735</b>	<b>409.369.791.779</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>365.215.153.735</b>	<b>409.369.791.779</b>
Phải trả người bán	311	11	151.488.445.818	153.437.714.229
Người mua trả tiền trước	312		7.111.095.810	16.510.367.135
Thuế phải nộp Nhà nước	313	12(b)	4.607.236.719	2.843.853.326
Phải trả người lao động	314		8.547.453.743	8.319.643.959
Chi phí phải trả	315		2.051.575.487	1.624.078.169
Phải trả khác	319		268.064.154	229.705.353
Vay ngắn hạn	320	13	191.141.282.004	226.404.429.608
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>446.041.648.077</b>	<b>467.519.953.843</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>446.041.648.077</b>	<b>467.519.953.843</b>
Vốn cổ phần	411	15	306.899.450.637	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ	415	15	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	17	55.773.015.249	45.058.840.578
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		83.642.022.191	115.834.502.628
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		20.461.346.863	44.406.671.488
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		63.180.675.328	71.427.831.140
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>811.256.801.812</b>	<b>876.889.745.622</b>

Ngày 11 tháng 3 năm 2019

Người lập:

*Su Yu Chun*  
 Su Yu Chun  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:  
  
*Wang Ting Shu*  
 Wang Ting Shu  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	1.786.361.973.513	1.556.964.805.274
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	9.429.624	19.801.800
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>19</b>	<b>1.786.352.543.889</b>	<b>1.556.945.003.474</b>
Giá vốn hàng bán	11	20	1.644.977.129.531	1.415.645.494.294
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>141.375.414.358</b>	<b>141.299.509.180</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	10.001.513.228	12.206.379.528
Chi phí tài chính	22	22	16.024.803.166	12.514.894.933
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.803.283.181	8.127.137.819
Chi phí bán hàng	25		26.851.749.715	24.363.717.799
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		30.899.398.676	30.943.697.458
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>77.600.976.029</b>	<b>85.683.578.518</b>
Thu nhập khác	31		120.268.081	2.404.830.935
Chi phí khác	32		59.466.066	753.610.884
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>60.802.015</b>	<b>1.651.220.051</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>77.661.778.044</b>	<b>87.334.798.569</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	14.504.863.907	14.939.841.717
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	24	(23.761.191)	967.125.712
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>63.180.675.328</b>	<b>71.427.831.140</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	2.059	2.328

Ngày 11 tháng 3 năm 2019

Người lập:

*Su Yu Chun*  
Su Yu Chun  
Kế toán trưởng

Người duyệt:  
*Wang Ting Shu*  
Wang Ting Shu  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	2018 VND	2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>77.661.778.044</b>	<b>87.334.798.569</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao	02	13.098.416.877	16.311.224.090
Các khoản dự phòng	03	(31.531.217)	(1.312.633.816)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(675.472.704)	116.697.015
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	05	(72.693.636)	(622.363.637)
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(5.725.175.625)	(8.056.936.340)
Chi phí lãi vay	06	8.803.283.181	8.127.137.819
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>93.058.604.920</b>	<b>101.897.923.700</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(20.463.414.594)	(86.820.888.615)
Biến động hàng tồn kho	10	65.530.703.975	(132.740.160.223)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(10.642.830.282)	65.366.642.722
Biến động chi phí trả trước	12	(372.445.624)	45.311.726
		<b>127.110.618.395</b>	<b>(52.251.170.690)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(8.666.459.484)	(7.770.511.316)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.905.745.742)	(13.494.896.795)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.821.409.694)	(1.244.368.729)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>103.717.003.475</b>	<b>(74.760.947.530)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*


**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã Thuyết số minh</b>	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(10.784.349.150)	(17.580.173.245)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	72.693.636	622.363.637
Tiền chi gửi các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23	-	(30.000.000.000)
Tiền thu từ rút các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	24	-	70.800.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	6.099.615.238	8.485.143.863
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.612.040.276)</b>	<b>32.327.334.255</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	555.680.556.542	720.521.587.862
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn	34	(590.812.160.136)	(661.538.038.960)
Tiền chi trả cổ tức	36	(82.837.571.400)	(36.816.698.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(117.969.174.994)</b>	<b>22.166.850.502</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(18.864.211.795)</b>	<b>(20.266.762.773)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>173.787.212.638</b>	<b>194.077.470.840</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>	<b>504.068</b>	<b>(23.495.429)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>154.923.504.911</b>	<b>173.787.212.638</b>

Ngày 11 tháng 3 năm 2019

Người lập:

  
 Su Yu Chun  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:  
  
 Wang Ting Shu  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

## **Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh, sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (“Trụ sở chính”). Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương (“Chi nhánh”), bắt đầu hoạt động vào tháng 1 năm 2005, tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-KCN-DN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 429 nhân viên (1/1/2018: 445 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà xưởng và cấu trúc	5 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ trang bị văn phòng	5 – 8 năm
▪ tài sản khác	2 – 7 năm



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(f) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm vi tính***

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

**(g) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) *Phí hội viên câu lạc bộ golf***

Phí hội viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 37 đến 40 năm.

**(ii) *Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(k) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (Cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó để phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị của khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(p) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

## Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là kinh doanh, sản xuất và bán dây cáp điện và trong một vùng địa lý chủ yếu là Việt Nam.

#### (r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên liên quan đề cập tới các cổ đông, các công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và các công ty liên kết của các cổ đông này.

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền mặt	784.997.600	655.104.600
Tiền gửi ngân hàng	43.903.507.311	30.167.108.038
Các khoản tương đương tiền	110.235.000.000	142.965.000.000
	<hr/>	<hr/>
	154.923.504.911	173.787.212.638

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Phải thu của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Điện tử Nec Tokin Việt Nam	35.193.838.191	37.006.554.332
Công ty TNHH Sản phẩm Công nghiệp Toshiba Asia	52.033.559.344	50.394.780.301
Các khách hàng khác	199.165.937.967	175.881.298.704
	<hr/>	<hr/>
	286.393.335.502	263.282.633.337

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Điện Cơ Teco (Việt Nam)	2.084.399.819	1.232.868.643
Công ty TNHH Công nghệ Teco (Việt Nam)	-	90.638.625
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	1.148.926.212	1.447.893.288
Tăng dự phòng trong năm	12.792.000	-
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(298.967.076)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.161.718.212	1.148.926.212

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Hàng tồn kho**

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	38.954.039.235	-	42.645.980.160	-
Nguyên vật liệu	32.707.863.922	-	62.890.204.635	(164.759.468)
Sản phẩm dở dang	15.646.985.049	(585.359.958)	45.084.630.352	(265.656.583)
Thành phẩm	160.797.395.200	(356.739.884)	163.016.172.234	(556.007.008)
	<u>248.106.283.406</u>	<u>(942.099.842)</u>	<u>313.636.987.381</u>	<u>(986.423.059)</u>

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	986.423.059	2.299.056.875
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(44.323.217)	(1.312.633.816)
Số dư cuối năm	<u>942.099.842</u>	<u>986.423.059</u>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có 17,6 tỷ VND sản phẩm dở dang và thành phẩm (1/1/2018: 82,34 tỷ VND nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang và thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà xưởng và cấu trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Trang bị văn phòng VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	145.738.605.395	297.183.626.469	13.682.103.890	3.688.053.062	7.433.903.142	467.726.291.958
Tăng trong năm	273.000.000	2.514.894.244	-	-	152.180.000	2.940.074.244
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ dang	-	9.167.418.975	-	-	-	9.167.418.975
Thanh lý	-	(1.313.559.617)	(450.279.727)	-	-	(1.763.839.344)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	<b>146.011.605.395</b>	<b>307.552.380.071</b>	<b>13.231.824.163</b>	<b>3.688.053.062</b>	<b>7.586.083.142</b>	<b>478.069.945.833</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	94.130.018.626	258.864.802.279	7.283.901.574	3.391.989.149	7.011.178.749	370.681.890.377
Khấu hao trong năm	4.534.787.200	6.851.134.505	1.387.158.182	104.883.040	133.837.950	13.011.800.877
Thanh lý	-	(1.313.559.617)	(450.279.727)	-	-	(1.763.839.344)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	<b>98.664.805.826</b>	<b>264.402.377.167</b>	<b>8.220.780.029</b>	<b>3.496.872.189</b>	<b>7.145.016.699</b>	<b>381.929.851.910</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	51.608.586.769	38.318.824.190	6.398.202.316	296.063.913	422.724.393	97.044.401.581
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	47.346.799.569	43.150.002.904	5.011.044.134	191.180.873	441.066.443	96.140.093.923

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 293,23 tỷ VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 256,24 tỷ VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1 tháng 1/ngày 31 tháng 12 năm 2018	1.000.078.800
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	574.218.000
Khấu hao trong năm	86.616.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	660.834.000
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	425.860.800
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	339.244.800

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 567 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 567 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Số dư đầu năm	8.318.564.605	8.815.448.752
Tăng trong năm	5.277.869.656	14.873.352.626
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(9.167.418.975)	(15.370.236.773)
Số dư cuối năm	4.429.015.286	8.318.564.605



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Phí hội viên câu lạc bộ gôn VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	1.424.909.371	1.270.125.281	2.695.034.652
Tăng trong năm	-	697.907.861	697.907.861
Phân bổ trong năm	(56.848.560)	(973.878.700)	(1.030.727.260)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	1.368.060.811	994.154.442	2.362.215.253

**11. Phải trả người bán**

	<b>31/12/2018</b>		<b>1/1/2018</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Số có khả năng trả nợ VND</b>
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. – một bên liên quan	96.998.372.696	96.998.372.696	137.626.208.052	137.626.208.052
Công ty TNHH Công nghệ Teco (Việt Nam) – một bên liên quan	51.334.502	51.334.502	70.896.280	70.896.280
Công ty TNHH Điện Cơ Teco (Việt Nam) – một bên liên quan	18.095.000	18.095.000	-	-
Các nhà cung cấp khác	54.420.643.620	54.420.643.620	15.740.609.897	15.740.609.897
	151.488.445.818	151.488.445.818	153.437.714.229	153.437.714.229

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Thuế phải thu và phải nộp Nhà nước****(a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

	1/1/2018 VND	Phát sinh VND	Hoàn lại VND	Cần trừ VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	15.011.534.011	156.778.289.354	(32.995.000.000)	(129.367.602.648)	9.427.220.717

**(b) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2018 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cần trừ VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	858.098.066	132.645.080.370	(3.313.791.076)	(129.367.602.648)	821.784.712
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	124.459.341.888	(124.459.341.888)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.483.411.339	14.504.863.907	(12.905.745.742)	-	3.082.529.504
Thuế thu nhập cá nhân	502.343.921	2.877.064.823	(2.676.486.241)	-	702.922.503
	2.843.853.326	274.486.350.988	(143.355.364.947)	(129.367.602.648)	4.607.236.719

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Vay ngắn hạn**

	1/1/2018		Biến động trong năm			31/12/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giải ngân VND	Hoàn trả VND	Đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	226.404.429.608	226.404.429.608	555.680.556.542	(590.812.160.136)	(131.544.010)	191.141.282.004	191.141.282.004

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	4,5 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 2%	68.438.869.501	68.655.000.000
Ngân hàng SinoPac Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	3,0 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 1,5%	65.902.957.353	53.800.000.000
Ngân hàng Taipei Fubon Bank, Chi nhánh Ann Ping (a)	2,75 triệu USD	LIBOR + 1,15%	38.329.500.000	-
Ngân hàng Mega International Commercial Bank, Chi nhánh Tainan (a)	3,5 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 1,1%	18.469.955.150	-
Ngân hàng Mega International Commercial Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	6,2 triệu USD	LIBOR 6 tháng + 1%	-	53.604.984.100
Ngân hàng TNHH CTBC, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	6,0 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 1,15%	-	33.500.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina Bank, Chi nhánh Đồng Nai (a)	1,5 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 1%	-	10.020.945.508
Ngân hàng First Commercial Bank Co., Ltd., Chi nhánh Hà Nội (b)	2,25 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 1,2%	-	6.823.500.000
			191.141.282.004	226.404.429.608

- a. Các khoản vay này không được đảm bảo.  
b. Các khoản vay này được bảo lãnh bởi Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Cổ phiếu quỹ VND</b>	<b>Quỹ đầu tư và phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	306.899.450.637	(272.840.000)	37.739.024.524	89.787.554.671	434.153.189.832
Phân bổ vào quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	7.319.816.054	(7.319.816.054)	-
Chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.244.368.729)	(1.244.368.729)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	71.427.831.140	71.427.831.140
Cổ tức (Thuyết minh 16)	-	-	-	(36.816.698.400)	(36.816.698.400)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	306.899.450.637	(272.840.000)	45.058.840.578	115.834.502.628	467.519.953.843
Phân bổ vào quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	10.714.174.671	(10.714.174.671)	-
Chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.821.409.694)	(1.821.409.694)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	63.180.675.328	63.180.675.328
Cổ tức (Thuyết minh 16)	-	-	-	(82.837.571.400)	(82.837.571.400)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	306.899.450.637	(272.840.000)	55.773.015.249	83.642.022.191	446.041.648.077

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	30.689.945	306.899.450.637	30.689.945	306.899.450.637
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	30.689.945	306.899.450.637	30.689.945	306.899.450.637
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	30.680.582	306.626.610.637	30.680.582	306.626.610.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau đối với phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

**16. Cổ tức**

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 19 tháng 4 năm 2018 đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền với tổng số tiền là 82.838 triệu VND (2.700 VND một cổ phiếu) (2017: 36.817 triệu VND).

**17. Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Các quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.924.881.442	4.054.605.323
Trong vòng hai đến năm năm	13.570.476.368	14.926.553.790
Trên năm năm	60.295.592.598	67.251.941.523
	<hr/>	<hr/>
	77.790.950.408	86.233.100.636

**(b) Ngoại tệ**

	<b>31/12/2018</b>		<b>1/1/2018</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	238.183	5.515.167.639	136.772	3.100.862.358
		<hr/>		<hr/>

**19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.774.769.721.418	1.546.852.588.596
▪ Bán hàng hóa	276.566.995	415.495.868
▪ Bán phế liệu	10.529.388.700	8.908.491.970
▪ Cung cấp dịch vụ	786.296.400	788.228.840
	<hr/>	<hr/>
	1.786.361.973.513	1.556.964.805.274
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(9.429.624)	(19.801.800)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	1.786.352.543.889	1.556.945.003.474

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Giá vốn hàng bán**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	1.644.642.640.512	1.416.467.649.204
▪ Hàng hóa đã bán	221.048.182	337.222.631
▪ Dịch vụ đã cung cấp	157.764.054	153.256.275
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(44.323.217)	(1.312.633.816)
	<hr/>	<hr/>
	1.644.977.129.531	1.415.645.494.294
	<hr/>	<hr/>

**21. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.725.175.625	8.056.936.340
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.276.337.603	4.149.443.188
	<hr/>	<hr/>
	10.001.513.228	12.206.379.528
	<hr/>	<hr/>

**22. Chi phí tài chính**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	8.803.283.181	8.127.137.819
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.221.519.985	4.387.757.114
	<hr/>	<hr/>
	16.024.803.166	12.514.894.933
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.501.230.500.647	1.422.486.117.614
Chi phí nhân công và nhân viên	65.080.571.386	63.889.766.889
Chi phí khấu hao	13.098.416.877	16.311.224.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.828.037.658	49.247.036.059
Chi phí khác	49.668.847.418	37.074.487.285

**24. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	14.504.863.907	14.932.805.742
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	7.035.975
	14.504.863.907	14.939.841.717
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(23.761.191)	967.125.712
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	14.481.102.716	15.906.967.429



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	77.661.778.044	87.334.798.569
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	11.649.266.707	13.100.219.785
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác và các dự án đầu tư mở rộng	626.096.276	828.478.111
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho Chi nhánh	936.728.837	717.440.287
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.268.720.082	1.249.027.907
Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	290.814	4.765.364
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	7.035.975
	<b>14.481.102.716</b>	<b>15.906.967.429</b>

**(c) Thuế suất áp dụng***Trụ sở chính*

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế. Các ưu đãi thuế trên không áp dụng đối với các khoản thu nhập từ các dự án mở rộng đã được Trụ sở chính đầu tư trước năm 2009 và sau năm 2015 và các khoản thu nhập khác; các khoản thu nhập này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông.

*Chi nhánh*

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư, Chi nhánh có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên và mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Chi nhánh được miễn thuế thu nhập trong 4 năm từ năm 2006 đến năm 2009 và giảm 50% thuế thu nhập trong 4 năm tiếp theo từ năm 2010 đến năm 2013. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông.

Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Việc xác định mức thuế phải trả còn phụ thuộc vào cách diễn giải của quy định thuế hiện hành. Tuy nhiên, các quy định này cũng có thể bị thay đổi định kỳ và số phải trả thuế cuối cùng còn phải được cơ quan thuế xem xét.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành được thực hiện như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông trong năm	63.180.675.328	71.427.831.140

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành cuối năm	30.680.582	30.680.582

Không có biến động số cổ phiếu phổ thông trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng (1/1/2018: không).

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan**

Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>		<b>Số dư tại ngày</b>	
	<b>2018</b>	<b>2017</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Taya Taiwan Electric Wire &amp; Cable Co., Ltd.</b>				
Mua nguyên vật liệu	1.181.153.442.295	1.048.952.929.124	96.806.496.951	137.439.894.364
Phí bản quyền và phí UL (*)	2.339.946.377	2.045.680.807	191.875.745	186.313.688
<b>Công ty TNHH Công nghệ Teco (Việt Nam)</b>				
Mua nguyên vật liệu	187.322.290	297.208.241	51.334.502	70.896.280
Bán thành phẩm	459.026.646	-	-	90.638.625
<b>Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam)</b>				
Bán thành phẩm	13.079.468.526	13.255.978.633	2.084.399.819	1.232.868.643
Cung cấp dịch vụ	786.296.400	776.228.840	-	-
Mua nguyên vật liệu	162.025.000	301.608.241	18.095.000	-
<b>Taya Vietnam (Cayman) Holding Ltd.</b>				
Cổ tức đã chia	66.298.964.400	29.466.206.400	-	-
<b>Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Taya (Việt Nam)</b>				
Cung cấp dịch vụ	-	13.200.000	-	-

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	2018 VND	2017 VND	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>Ban quản lý chủ chốt</b>				
Thù lao cho thành viên Ban Tổng Giám đốc	1.794.167.075	1.667.334.500	379.549.820	118.866.650
Thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	3.439.009.694	2.837.093.729	-	-
Cổ tức được chia cho thành viên Hội đồng Quản trị	485.805.600	215.913.600	-	-
Phí bảo lãnh trả cho Ông Shen Shang Pang – Chủ tịch	337.377.593	519.955.411	139.825.820	168.894.790

- (\*) Theo các thỏa thuận về bản quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL giữa Công ty và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. (công ty mẹ cấp cao nhất), Công ty có quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL của 13 sản phẩm thuộc sở hữu của Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. Cũng theo các thỏa thuận này, Công ty sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1% trên doanh thu thuần và phí sử dụng giấy chứng nhận UL bằng 0,1% trên doanh thu thực sự phát sinh từ các sản phẩm này.

**27. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 11 tháng 3 năm 2019

Người lập:

*Su Yu Chun*  
Su Yu Chun  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

*Wang Ting Shu*  
Wang Ting Shu  
Tổng Giám đốc

